

ĐẶC TẢ CẤU TRÚC THÔNG TIN MẪU PHIẾU PHẪU THUẬT SAPEJKO

Bảng mô tả định dạng

STT NHÓM	NHÓM THÔNG TIN	STT TIÊU CHÍ	TIÊU CHÍ THÔNG TIN	MÔ TẢ	Kiểu dữ liệu	ĐỘ DÀI DỮ LIỆU	NGUỒN THAM CHIẾU
I	Hành chính	1.1	SoYTe	Tên Sở Y tế	Chuỗi	250	
I	Hành chính	1.2	BenhVien	Tên bệnh viện	Chuỗi	250	Theo BHYT
I	Hành chính	1.3	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Chuỗi	25	
I	Hành chính	1.4	IDMauPhieu	ID mẫu phiếu	Số nguyên	5	
I	Hành chính	1.5	MaQuanLy	Mã quản lý	Số nguyên	25	
I	Hành chính	1.6	ID	Mã định danh phiếu/giấy	Số nguyên	25	
I	Hành chính	1.7	MaBenhNhan	Mã bệnh nhân	Chuỗi	25	
I	Hành chính	1.8	HoVaTenBenhNhan	Họ tên bệnh nhân	Chuỗi	250	
I	Hành chính	1.9	NgaySinh	Ngày sinh	Ngày	YYYY/MM/DD	
I	Hành chính	1.10	Tuoi	Tuổi người bệnh	Số nguyên	4	
I	Hành chính	1.11	GioiTinh	Giới tính (1-Nam, 2-Nữ, 3-Khác)	Số nguyên	1	Theo BHYT
I	Hành chính	1.12	DiaChi	Địa chỉ	Chuỗi	500	
I	Hành chính	1.13	NgayVaoVien	Ngày vào viện	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
I	Hành chính	1.14	MaBenhAn	Mã bệnh án	Chuỗi	25	
I	Hành chính	1.15	MaSo	Mã số phiếu	Chuỗi	50	

I	Hành chính	1.16	SoVaoVien	Số vào viện	Chuỗi	50	
II	Chẩn đoán & chỉ định	2.1	ChanDoan	Chẩn đoán (Quặm nặng độ III–IV, lông xiêu, lật mi, co rút mi...)	Chuỗi	500	Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế
II	Chẩn đoán & chỉ định	2.2	ChiDinhPhauThuat	Chỉ định PT (00=MP+MT, 01=MP, 10=MT)	Chuỗi	2	
II	Chẩn đoán & chỉ định	2.3	ChiDinhPhauThuat_MoTa	Ghi rõ MP/MT/Hai bên	Chuỗi	300	
III	Thời gian	3.1	NgayPhauThuat	Ngày phẫu thuật	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
III	Thời gian	3.2	NgayPhauThuat_Gio	Giờ phẫu thuật	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
IV	Kíp mổ	4.1	MaPhauThuatVienChinh	Mã PTV chính	Chuỗi	25	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
IV	Kíp mổ	4.2	PhauThuatVienChinh	PTV chính	Chuỗi	250	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
IV	Kíp mổ	4.3	MaPhauThuatVienPhu	Mã PTV phụ	Chuỗi	25	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế

IV	Kíp mổ	4.4	PhauThuatVienPhu	PTV phụ	Chuỗi	250	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
IV	Kíp mổ	4.5	MaBacSiGayMe	Mã BS gây mê	Chuỗi	25	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
IV	Kíp mổ	4.6	BacSiGayMe	BS gây mê	Chuỗi	250	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
V	Vô cảm	5.1	PhuongPhapVoCam	00=Mê, 01=Tê dưới niêm, 10=Tê tại chỗ	Chuỗi	2	
V	Vô cảm	5.2	LoaiThuocGayTe	Loại thuốc tê (Lidocain 2%, Marcain...)	Chuỗi	100	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.1	LuocDoPhauThuat	Lược đồ phẫu thuật tổng quát	Chuỗi	2000	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.2	LayManhNiemMac	Lấy mảnh niêm mạc miệng (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.3	ViTri	Vị trí lấy niêm mạc (000=MP trên, 001=MP dưới, 010=MT	Chuỗi	3	

				trên...)			
VI	Mô tả phẫu thuật	6.4	SoLuongManh	Số lượng mảnh niêm mạc	Chuỗi	20	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.5	KichThuocX	Kích thước X (mm)	Chuỗi	20	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.6	KichThuocY	Kích thước Y (mm)	Chuỗi	20	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.7	KhauPhucHoi	Kiểu khâu phục hồi niêm mạc miệng (00=Chạy, 01=Ngắt quãng)	Chuỗi	2	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.8	KhauPhucHoi_MoTa	Chi tiết khâu phục hồi	Chuỗi	200	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.9	TraBetadin	Tra Betadin miệng (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.10	CoDinhMi	Cố định mi (00=Chỉ kéo mi, 01=Tấm bảo vệ, 10=Vành mi)	Chuỗi	2	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.11	CoDinhMi_MoTa	Chi tiết cố định mi	Chuỗi	200	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.12	DatThanhDe	Đặt thanh dè sụn (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.13	RachBoMi	Rạch bờ mi (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.14	KhauManhNiemMac	Kiểu khâu mảnh niêm mạc vào bờ mi (00=Chạy, 01=Ngắt quãng)	Chuỗi	2	

VI	Mô tả phẫu thuật	6.15	KhauManhNiemMac_MoTa	Ghi rõ kiểu khâu niêm mạc	Chuỗi	200	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.16	RachDaMi	Rạch da mi (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.17	RachDaMi_MoTa	Ghi rõ đường rạch da mi	Chuỗi	200	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.18	CatDaMiThua	Cắt da mi thừa (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.19	CatDaMiThua_MoTa	Ghi rõ cắt da thừa	Chuỗi	200	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.20	BocLoSunMi	Bộc lộ sụn mi (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.21	TaoMangSun	Tạo máng sụn (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.22	DotCamMau	Đốt cầm máu (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.23	KhauSunMi	Khâu sụn mi (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.24	KhauTreoNgoai	Khâu treo ngoài (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.25	KhauTreoNgoai_MoTa	Ghi chú khâu treo ngoài	Chuỗi	300	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.26	KhauMangSun	Khâu máng sụn (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.27	KhauMangSun_MoTa	Ghi chú khâu máng sụn	Chuỗi	300	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.28	KhauDaMi	Kiểu khâu da mi (00=Chạy,	Chuỗi	2	

				01=Ngắt quãng, 10=Nylon tháo)			
VI	Mô tả phẫu thuật	6.29	KhauDaMi_MoTa	Nội dung khâu da mi (loại chỉ, số mũi...)	Chuỗi	500	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.30	TraKhangSinh	Tra KS (00=Thuốc nước, 01=Thuốc mỡ)	Chuỗi	2	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.31	TraKhangSinh_MoTa	Chi tiết loại thuốc tra	Chuỗi	200	
VI	Mô tả phẫu thuật	6.32	BangEp	Băng ép (0=Không, 1=Có)	Số nguyên	1	
VII	Ký tên	7.1	MaPhauThuatVien	Mã PTV ký phiếu	Chuỗi	50	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
VII	Ký tên	7.2	PhauThuatVien	Phẫu thuật viên ký	Chuỗi	250	Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế
VII	Ký tên	7.3	NgayLapPhieu	Ngày lập phiếu	Ngày giờ	YYYY/MM/DD HH:mm	
VII	Ký tên	7.4	HinhAnhMoTa	Hình ảnh/video mô tả	Chuỗi	2000	

Chuỗi Json:

{

"MaCSKCB": "79001",
"IDMauPhieu": 267,
"MaQuanLy": 102030,
"ID": 0,
"MaBenhNhan": "00000001",
"HoVaTenBenhNhan": "Nguyễn Văn A",
"NgaySinh": "2026-04-01",
"Tuoi": 66,
"GioiTinh": 1,
"DiaChi": "123 Lê Lợi, Phường 2, Quận 1, TP.HCM",
"NgayVaoVien": "2026-04-01T14:30:00",
"MaBenhAn": "Z00",
"SoYTe": "Sở Y tế TP.HCM",
"BenhVien": "Bệnh viện XYZ",
"MaSo": "SPJ-00001",
"SoVaoVien": "SVV-2026-000123",
"ChanDoan": "Quặm nặng độ III",
"ChiDinhPhauThuat": "00",
"ChiDinhPhauThuat_MoTa": "Hai bên (MP+MT)",
"NgayPhauThuat": "2026-04-01T14:30:00",
"NgayPhauThuat_Gio": "2026-04-01T14:30:00",
"MaPhauThuatVienChinh": "PTV-001",
"PhauThuatVienChinh": "BS Nguyễn Văn B",
"MaPhauThuatVienPhu": "PTV-002",
"PhauThuatVienPhu": "BS Trần Thị C",
"MaBacSiGayMe": "GM-003",
"BacSiGayMe": "BS Lê Văn D",
"PhuongPhapVoCam": "10",
"LoaiThuocGayTe": "Lidocain 2%",
"LuocDoPhauThuat": "PT Sapejko theo quy trình.",
"LayManhNiemMac": 1,

"ViTri": "010",
"SoLuongManh": "1",
"KichThuocX": "12",
"KichThuocY": "4",
"KhouPhucHoi": "01",
"KhouPhucHoi_MoTa": "Khâu ngắt quãng bằng Vicryl 4-0.",
"TraBetadin": 1,
"CoDinhMi": "01",
"CoDinhMi_MoTa": "Tắm bảo vệ giác mạc.",
"DatThanhDe": 1,
"RachBoMi": 1,
"KhouManhNiemMac": "01",
"KhouManhNiemMac_MoTa": "Khâu ngắt quãng 6 mũi.",
"RachDaMi": 1,
"RachDaMi_MoTa": "Rạch da theo nếp mi.",
"CatDaMiThua": 0,
"CatDaMiThua_MoTa": "",
"BocLoSunMi": 1,
"TaoMangSun": 1,
"DotCamMau": 1,
"KhouSunMi": 1,
"KhouTreoNgoai": 0,
"KhouTreoNgoai_MoTa": "",
"KhouMangSun": 1,
"KhouMangSun_MoTa": "Khâu cố định máng sụn 2 mũi.",
"KhouDaMi": "01",
"KhouDaMi_MoTa": "Nylon 6-0, 6 mũi.",
"TraKhangSinh": "01",
"TraKhangSinh_MoTa": "Mỡ kháng sinh.",
"BangEp": 1,
"MaPhauThuatVien": "PTV-001",

```
"PhauThuatVien": "BS Nguyễn Văn B",  
"NgayLapPhieu": "2026-04-01T14:30:00",  
"HinhAnhMoTa": "https://example.com/video/sapejko-00001"  
}
```